TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Phiêu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án; Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2017/TLST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2017; Thông báo thụ lý bổ sung vụ án số: 76A/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017; về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1951 (có mặt);
Địa chỉ: ấp D, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện ủy quyền cho bà Phạm Thị M: Ông Trần Đình H, sinh năm: 1989; địa chỉ: Phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp – Văn bản ủy quyền số 882 ngày 18/10/2017 (vắng mặt).
- *Bị đơn*: Ông Mai Văn A, sinh năm: 1946 (có mặt);
Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:
1. Lê Thị U, sinh năm: 1952;
2. Huỳnh Thị Th, sinh năm: 1974;
3. Mai Phước Ng, sinh năm: 1971;
4. Mai Tiết D, sinh năm: 1974.

(Bà Lê Thị U, chị Huỳnh Thị Th, anh Mai Phước Ng và chị Mai Tiết D cùng ủy quyền cho ông Mai Văn A) có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Hoàng G, sinh năm: 1971;
6. Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1973;
7. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1978;
8. Nguyễn Giang E, sinh năm: 1980 (có mặt);
9. Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm: 1993;
10. Phan Thị Trúc L, sinh năm: 1982.

(Anh Nguyễn Hoàng G, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Giang E, Nguyễn Thị Kim Th, Phan Thị Trúc L cùng ủy quyền cho bà Phạm Thị M) có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp D, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

11. Phạm Thị Mỹ D, sinh năm: 1975 (có đơn xin vắng);
12. Phạm Văn T, sinh năm: 1957;

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

13. Nguyễn Thành L, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: ấp V, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

(Ông Phạm Văn T và anh Nguyễn Thành L cùng ủy quyền cho chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm: 1975).

14. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Th, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Hữu L, Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Phạm Thanh H, sinh năm: 1972 (vắng mặt);
2. Lê Thanh T, sinh năm: 1980 (có mặt);
3. Lê Trường S, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp D, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị M; đồng thời, bà M đại diện theo ủy quyền cho Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị H, Nguyễn Giang E, Nguyễn Thị Kim Th và Phan Thị Trúc L trình bày:* Nguồn gốc đất là của cha mẹ bà M (ông Phạm Văn S, bà Dương Thị Th) khai mở sử dụng từ năm 1950; năm 1967 ông S qua đời để lại cho mẹ con bà sử dụng đến nay, diện tích ngang 25m x dài 30m = 750m^2 (đo đạc thực tế 725m^2; trong đó Nhà nước đã trưng dụng làm Lộ làng diện tích 111,5m^2; còn lại 613,5m^2) thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 48 (do cháu ruột của bà tên Phạm Thị Mỹ D đứng tên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016) đất cặp bờ kênh 2/9 - tại ấp D, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 1984 ông Mai Văn A đến hỏi bà Dương Thị Th, xin cất tạm lán trại nhỏ trên đất (cột tre, lợp lá) mục đích đến mùa thu hoạch lúa ông A vào ở đi làm thuê cho người khác, năm 1997 bà Th qua đời để lại đất cho bà M thừa hưởng quản lý đến nay.

Năm 2004 ông A thỏa thuận trả thành quả cho bà M theo quy định, nhưng thực tế ông A không trả tiền mà chiếm đất sử dụng. Năm 2010 ông A tiếp tục làm tờ thỏa thuận trả thành quả nhưng bà không đồng ý, và sau đó thì lán trại của ông A bị sập, ông A đã tự đốt bỏ không sử dụng nữa trả đất lại cho bà và về lại nhà cũ (tại số 203, ấp C, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp) ở đến nay. Sau năm 2010 ông A không sử dụng phần đất trên nữa, nên bà đã cải tạo lại đất, phát hoang và trồng các loại cây như Dừa, Chuối, Bạch đàn trên đất; vào năm 2016 ông A vào tranh chấp phần đất trên, cho rằng đất đã thuộc quyền sử dụng của ông; do đó, hiện nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Yêu cầu hộ ông A phải giao trả lại toàn bộ diện tích đất đo đạc thực tế 613,5m^2 (mục đích sử dụng đất lúa) thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 48 (do Phạm Thị Mỹ D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/11/2016). Yêu cầu gia đình ông Mai Văn A đốn bỏ hoặc di dời ra khỏi phạm vi đất tranh chấp, toàn bộ cây trồng trên đất theo (Biên bản kiểm, đếm số lượng cây trên đất ngày 31/5/2019 của Tòa án).

Về việc tách bộ sang tên quyền sử dụng đất diện tích 613,5m^2 nêu trên, thì tự bà M và Phạm Thị Mỹ D (cháu ruột bà) tự thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất với nhau, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bà Phạm Thị M tự nguyện hỗ trợ cho ông Mai Văn A tiền chi phí đốn, di dời cây và tiền tôn đạo nền đất là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Đối với yêu cầu phản tố của ông Mai Văn A, yêu cầu bà bồi thường thiệt hại tài sản do bà đốn cây bạch đàn trên đất, thì bà không thống nhất.

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Mai Văn A; đồng thời, ông A đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị U, chị Huỳnh Thị Th, anh Mai Phước Ng, chị Mai Tiết D trình bày:* Nguồn gốc đất là của cha mẹ bà M (ông Phạm Văn S, bà Dương Thị Th) để lại cho bà M; vào năm 1984 ông có hỏi bà Dương Thị Th vào cất lán trại cột tre, lợp lá (ngang 6m x dài 8m) ở nhờ trên đất để dựa lúa, vì ông có làm 05 công ruộng ở gần đó; tổng diện tích ông sử dụng là ngang 25m x dài 30m = 750m^2 (đo đạc thực tế 725m^2; trong đó Nhà nước đã trưng dụng làm Lộ làng diện tích 111,5m^2; còn lại 613,5m^2) thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 48, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/11/2016 tên Phạm Thị Mỹ D (đất cặp bờ kênh 2/9) - tại ấp D, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2010 do nước lũ và gió bão làm sập lán trại, nên vợ chồng ông không ở nữa và về nhà cũ, địa chỉ số nhà 203, ấp C, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp ở đến nay.

Vào ngày 01/02/2004 vợ chồng ông có thỏa thuận trả thành quả cho bà M (có làm Hợp đồng về việc trả thành quả lao động đất thổ ngày 01/02/2004) nhưng do tại thời điểm năm 2004 vợ chồng ông không có khả năng trả, nên kéo dài đến ngày 13/8/2010 vợ chồng ông tiếp tục làm "Tờ thỏa thuận" trả thành quả lần thứ 2, với số tiền 5.000.000đ/diện tích 1.000m^2 đất cặp bờ kênh 2/9; nhưng thực tế năm 2010 vợ chồng ông cũng không có khả năng trả số tiền trên cho bà M. Sau năm 2010 vợ chồng ông về ấp C, xã A ở thì phía bà M vào chặt phá khoảng 200 cây Bạch đàn của ông, để bà M trồng lại một số cây khác trên đất, nay ông không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, yêu cầu giải quyết như sau:

1. Ông không thống nhất giao trả cho Phạm Thị M phần đất tranh chấp diện tích (đo đạc thực tế 613,5m^2) thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 48 nêu trên.

Về việc tách bộ sang tên quyền sử dụng đất diện tích 613,5m^2 nêu trên, thì tự ông và cháu Phạm Thị Mỹ D tự thỏa thuận (tách thửa) chuyển quyền sử dụng đất với nhau, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về yêu cầu khởi kiện phản tố: Ông yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại số cây bạch đàn, do bà M đã tự ý đốn bỏ của ông; số lượng 200 cây x 150.000đ/cây = 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị Mỹ D (có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng chị D có văn bản trình bày ý kiến: Nguồn gốc đất là của cha mẹ bà M (ông Phạm Văn S, bà Dương Thị Th) để lại cho bà M; hiện nay phần đất tranh chấp với ông A (đo đạc thực tế 613,5m^2) thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ số 48, quyền sử dụng đất cấp ngày 16/11/2016 tên Phạm Thị Mỹ D, là của bà M (Cô ruột chị) quản lý sử dụng từ trước năm 1975 đến nay (không phải là đất của chị) việc chị đứng tên là do nhầm lẫn.

Nay các bên tranh chấp với nhau là không có liên quan gì đến quyền lợi của chị, nên chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này; chị thống nhất việc Tòa án giải quyết tranh chấp giữa bà M và ông A theo quy định pháp luật, nếu Tòa án tuyên xử đất thuộc về bên nào (bà M hay ông A) thì chị tự nguyện (tách thửa) sang tên quyền sử dụng đất cho người đó theo quy định.

2. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Th, tỉnh Đồng Tháp: Người đại diện theo pháp luật ông Bùi Hữu L (có đơn xin vắng mặt) và có văn bản trình bày ý kiến, hiện nay Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp phần đất trên, vì ngoài diện tích tranh chấp (613,5m^2) thì quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Mỹ D vẫn đảm bảo tài sản thế chấp với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung tranh chấp giữa các đương sự Phạm Thị M và Mai Văn A làm phát sinh tranh chấp

"Quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản". Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật, về thẩm quyền được quy định tại Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Mỹ D và ông Bùi Hữu L, nhưng chị D và ông L đều có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và ông L là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện ủy quyền cho bà Phạm Thị M là ông Trần Đình H (vắng mặt, không có lý do); đồng thời, bà Phạm Thị M có ý kiến không có yêu cầu ông Trần Đình H tiếp tục đại diện ủy quyền cho bà; bà M yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định, mà không phải hoãn phiên tòa vì sự vắng mặt của ông H, bà M sẽ tự trình bày về yêu cầu khởi kiện và các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến và yêu cầu của bà M, phiên tòa tiếp tục xét xử theo quy định.

Hiện nay, hộ bà M và hộ ông A không có yêu cầu Tòa án giải quyết việc (tách thửa) sang tên chuyển quyền sử dụng phần đất tranh chấp 613,5m^2 - thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ 48, quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 16/11/2016 tên Phạm Thị Mỹ D – tại ấp D, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp. Các đương sự (hộ bà M và hộ ông A) chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ai là người được quyền quản lý sử dụng phần đất tranh chấp 613,5m^2 chớ không có yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Th thu hồi điều chỉnh, quyền sử dụng đất thửa số 4, tờ bản đồ 48 nêu trên. Do đó, Tòa án không đưa Ủy ban nhân dân huyện Th vào tham gia tố tụng là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các đương sự, lời khai của người làm chứng và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của các đương sự có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Hộ bà Phạm Thị M, gồm các thành viên: Phạm Thị M, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị H, Nguyễn Giang E, Nguyễn Thị Kim Th, Phan Thị Trúc L (sau đây gọi chung là hộ bà M); yêu cầu hộ ông Mai Văn A, gồm các thành viên: Mai Văn A, Lê Thị U, Huỳnh Thị Th, Mai Phước Ng, Mai Tiết D (sau đây gọi chung là hộ ông A); liên đới giao trả phần đất cặp bờ kênh 2/9, đo đạc thực tế diện tích 613,5m^2 (mục đích sử dụng đất Lúa) thuộc một phần thửa 4, tờ bản đồ 48, quyền sử dụng đất cấp ngày 16/11/2016 tên Phạm Thị Mỹ D – tại ấp D, xã A, huyện Th, Đồng Tháp.

Đồng thời, yêu cầu hộ ông A phải đốn và di dời ra khỏi phạm vi đất tranh chấp toàn bộ cây trồng trên đất gồm: Gáo vàng 03 (Ba) cây, đường kính mỗi cây từ 20cm đến 30cm; Tre 01 (Một) bụi, số lượng từ 40 đến 50 cây (mỗi cây đường kính

từ 04cm đến 05cm); Cồng 02 (Hai) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 20cm đến 30cm); Bạch đàn 19 (Mười chín) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 05cm đến 15cm); Me nước 02 (Hai) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 10cm đến 15cm) để giao trả đất cho hộ bà M quản lý sử dụng, là có cơ sở chấp nhận.

Bởi vì, nguồn gốc đất tranh chấp được xác định là của cha mẹ bà M (ông Phạm Văn S, bà Dương Thị Th) để lại cho bà M quản lý sử dụng từ trước đến nay. Vào năm 1984 ông A hỏi bà Th (bà Th là Dì ông họ của ông A) xin cất tạm lán trại (cột tre, lộp lá) để đến mùa thu hoạch lúa ông A vào ở tạm đi làm thuê cho người khác. Đến năm 2010 thì giông bão lán trại của ông A bị sập, ông A không sử dụng nữa nên trả đất lại cho bà M và về nhà cũ tại số 203 ấp C, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp sinh sống đến nay. Sau khi ông A không còn sử dụng phần đất trên, bà M đã chặt phá một số tược cây bạch đàn và dọn dẹp đất trống, để trồng lại các loại cây như: Dừa, Chuối, Bạch đàn; đến năm 2016 thì ông A vào tranh chấp, cho rằng đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ông là không có cơ sở chấp nhận.

Về việc tách thửa sang tên, chuyển quyền sử dụng đất diện tích 613,5m^2 nêu trên, thì tự bà M và chị Phạm Thị Mỹ D (cháu ruột bà M) tự thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất với nhau khi án có hiệu lực thi hành; hiện nay hộ bà M không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, việc chuyển quyền sử dụng đất với chị D, nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3.2] Xét việc khai nại của hộ ông A, về việc không thống nhất giao trả phần đất 613,5m^2 cho hộ bà M quản lý sử dụng là không có cơ sở chấp chận. Bởi vì, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, ông A đã thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp 613,5m^2 là của bà Dương Thị Th (mẹ bà M), vào năm 1984 cho ông mượn cất nhờ lán trại ở tạm trên đất đi làm thuê cho người khác khi đến mùa vụ thu hoạch lúa; đến năm 2004 ông đã làm giấy trả thành quả cho bà M để được sử dụng phần đất trên, nhưng do điều kiện kinh tế ông gặp khó khăn không có tiền trả thành quả, kéo dài đến năm 2010 ông làm giấy trả thành quả lần 2 nhưng bà M không thống nhất; trong mùa nước nổi năm 2010 thì lán trại của ông bị giông bão sập, nên ông đã thu dọn và về nhà cũ tại số 203 ấp C, xã A, huyện Th ở ổn định đến nay, đến năm 2016 thì ông mới vào tranh chấp yêu cầu hộ bà M giao trả đất, là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, trong quá trình sử dụng đất ông A có trồng một số cây trên đất như: Gáo vàng 03 (Ba) cây, đường kính mỗi cây từ 20cm đến 30cm; Tre 01 (Một) bụi, số lượng từ 40 đến 50 cây (mỗi cây đường kính từ 04cm đến 05cm); Cồng 02 (Hai) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 20cm đến 30cm); Bạch đàn 19 (Mười chín) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 05cm đến 15cm); Me nước 02 (Hai) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 10cm đến 15cm). Do quyền quản lý sử dụng đất không phải của hộ ông A, hiện nay hộ bà M có yêu cầu hộ ông A giao trả đất và đốn cây di dời ra khỏi phạm vi đất tranh chấp, nên

buộc hộ ông A có trách nhiệm liên đới đốn cây và di dời toàn bộ số cây đang trồng trên đất, để giao trả mặt bằng cho hộ bà M quản lý sử dụng là phù hợp.

[3.3] Xét yêu cầu phản tố của hộ ông A, về việc yêu cầu hộ bà M bồi thường thiệt hại số cây bạch đàn, do hộ bà M đã tự ý đốn của ông số lượng 200 cây x 150.000đ/cây = 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) là không có cở chấp nhận.

Vì việc trình bày của ông, không được bà M thừa nhận; đồng thời, tại phiên tòa hôm nay ông cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà M đốn 200 cây bạch đàn của ông, và ông A cũng thừa nhận vào thời điểm trước năm 2010, thì ông đã đốn toàn bộ số cây bạch đàn trồng xung quanh lán trại và cặp bờ kênh 2/9 để lấy gỗ cất nhà cho con trai ra ở riêng, chỉ còn lại phần gốc trên đất; và theo lời khai của những người làm chứng ở gần phần đất tranh chấp như (ông Phạm Thanh H, ông Lê Thanh T, Lê Trường S) xác nhận năm 2014 ông đã đốn toàn bộ số cây bạch đàn trồng trên đất, để bán cho người lạ ở ngoài địa phương (không biết họ tên và địa chỉ). Do đó, không có cở chấp nhận yêu cầu phản tố của ông A là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3.4] Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay hộ bà M đã tự nguyện hỗ trợ cho hộ ông A một phần tiền chi phí đốn di dời cây trên đất và tiền tôn tạo đất, tổng cộng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng); xét thấy, đây là sự tự nguyện hổ trợ của hộ bà M là hoàn toàn có lợi cho hộ ông A và phù hợp theo quy định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, số tiền 5.000.000đ do bà M hỗ trợ cho ông A là thể hiện trên tinh thần tự nguyện, chớ không phải do Tòa án buộc thực hiện nghĩa vụ; đồng thời, hiện nay bà M cũng thuộc diện người cao tuổi, sống phụ thuộc vào việc nuôi dưỡng và chu cấp tiền của con. Do đó, nghĩ nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà M, là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 2.625.000đ tính tròn số (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) do bà M đã nộp và chi xong; tại phiên tòa hôm nay, bà M thống nhất chịu toàn bộ số tiền đã nộp 2.625.000đ không có yêu cầu hộ ông A hoàn trả, là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên có ý kiến: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà M; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của hộ ông A; chấp nhận sự tự nguyện của hộ bà M, về việc hỗ trợ tiền chi phí đốn cây di dời và tiền tôn tạo đất.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí tố tụng sơ thẩm theo quy định;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và Điều 157, 165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ bà Phạm Thị M, gồm các thành viên: Phạm Thị M, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị H, Nguyễn Giang E, Nguyễn Thị Kim Th, Phan Thị Trúc L (sau đây gọi chung là hộ bà M) đối với hộ ông Mai Văn A, gồm các thành viên: Mai Văn A, Lê Thị U, Huỳnh Thị Th, Mai Phước Ng, Mai Tiết D (sau đây gọi chung là hộ ông A).

Buộc hộ ông Mai Văn A liên đới giao trả cho hộ bà Phạm Thị M quản lý sử dụng phần đất cặp bờ kênh 2/9 đo đạc thực tế 613,5m^2 (mục đích sử dụng đất Lúa) thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ 48, quyền sử dụng đất cấp ngày 16/11/2016 tên Phạm Thị Mỹ D – tại ấp D, xã A, huyện Th, Đồng Tháp tứ cận như sau:

* Ô số 1:

- Hướng Đông giáp ông Phạm Văn T: 13,01m (mốc 2 đến mốc 3);
- Hướng Tây giáp đường kênh 2/9: 16,74m (mốc 10 đến mốc 11);
- Hướng Nam giáp Ô số 2 là: 36,36m (mốc 10, 5, 4 đến mốc 3);
- Hướng Bắc giáp ông Phạm Văn Nh: 37,28m (mốc 11 đến mốc 2);

Diện tích: **529m^2** (Năm trăm hai mươi chín mét vuông).

* Ô số 2:

- Hướng Đông giáp ông Phạm Văn T: 4,34m (mốc 5 đến mốc 6);
- Hướng Tây giáp đường kênh 2/9 là: 6,33m (mốc 9 đến mốc 10);
- Hướng Nam giáp bà Phạm Thị M: 15,93m (mốc 9 đến mốc 6);
- Hướng Bắc Ô số 1 là: 17,64m (mốc 10 đến mốc 5);

Diện tích: **84,5m^2** (Tám mươi bốn phẩy năm mét vuông).

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 14/12/2017; Sơ đồ đo đạc ngày 14/12/2017; và Sơ đồ đo đạc vẽ chi tiết diện tích tranh chấp ngày 04/9/2020 của Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Th).

Về việc tách thửa sang tên, chuyển quyền sử dụng đất diện tích 613,5m^2 nêu trên, thì tự bà M và chị Phạm Thị Mỹ D (cháu ruột bà M) tự thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất với nhau khi án có hiệu lực thi hành; hộ bà M không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, việc chuyển quyền sử dụng đất với chị D, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Buộc hộ ông A liên đới đốn và di dời toàn bộ số cây trồng trên đất tranh chấp (diện tích 613,5m^2) thuộc một phần thửa số 4, tờ bản đồ 48, quyền sử dụng đất cấp ngày 16/11/2016 tên Phạm Thị Mỹ D – tại ấp D, xã A, huyện Th, Đồng Tháp gồm: Gáo vàng 03 (Ba) cây, đường kính mỗi cây từ 20cm đến 30cm; Tre 01

(Một) bụi, số lượng từ 40 đến 50 cây (mỗi cây đường kính từ 04cm đến 05cm); Cồng 02 (Hai) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 20cm đến 30cm); Bạch đàn 19 (Mười chín) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 05cm đến 15cm); Me nước 02 (Hai) gốc đã đốn, hiện đã lên tược (đường kính tược từ 10cm đến 15cm) để giao trả đất cho hộ bà M quản lý sử dụng theo quy định.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của hộ bà M, về việc hỗ trợ cho hộ ông A tiền chi phí đốn di dời cây trên đất và tiền tôn tạo nền đất, tổng cộng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày hộ ông A có đơn yêu cầu thi hành án, mà hộ bà M chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chậm thi hành.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của hộ ông Mai Văn A, yêu cầu hộ bà M liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), về việc đốn 200 cây bạch đàn của hộ ông A.

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

- Hộ bà M tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá là 2.625.000đ tính tròn số (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), số tiền này bà M đã nộp và chi xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hộ ông A được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; nên ông A được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 02294 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Hộ bà M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; nên bà M được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 07676 ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng đối với chị Phạm Thị Mỹ D và ông Bùi Hữu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (bản sao) bản án hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều